

Số: 107/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ khoản 2 Điều 5, Điều 149, Điều 212 và Điều 213, khoản 4 Điều 397, điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024 và 2025);

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 17 của Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2026/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026, về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1) Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ B, khu B, phường C, tỉnh Quảng Ninh; số căn cước công dân: 022075002141, cấp ngày: 10/5/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C;

2) Chị Trịnh Thị Thu H1 (tên gọi khác: Trịnh Thị H1), sinh năm 1978; địa chỉ: tổ B, khu B, phường C, tỉnh Quảng Ninh; số Căn cước công dân: 022178000699, cấp ngày: 10/5/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Quang H và chị Trịnh Thị Thu H1 (Trịnh Thị H1) có đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 12 năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H, tỉnh Quảng Ninh) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2025 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng vẫn sống chung một nhà, nhưng đã ly thân từ năm 2025 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận.

[3] Về con chung: Anh H và chị H1 có 02 (hai) con chung là Nguyễn Hoài H2, sinh ngày 27-4-1998 và Nguyễn Huy H3, sinh ngày 02-9-2001. Đến nay, 02 (hai) con chung đã thành niên, phát triển bình thường nên anh H và chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí: Chị **H1** tự nguyện chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

[7] Sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên có đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nội dung thỏa thuận đó là có căn cứ và hợp pháp.

[8] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự nêu trên được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[9] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Nguyễn Quang H** và chị **Trịnh Thị Thu H1** (**Trịnh Thị H1**) cùng thỏa thuận thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh **H** và chị **H1** 02 (hai) con chung là **Nguyễn Hoài H2**, sinh ngày 27-4-1998 và **Nguyễn Huy H3**, sinh ngày 02-9-2001. Đến nay, 02 (hai) con chung đã thành niên, phát triển bình thường nên anh **H** và chị **H1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh **H** và chị **H1** tự thỏa thuận; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh **H** và chị **H1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **Trịnh Thị Thu H1** (**Trịnh Thị H1**) tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000858 ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự Quảng Ninh; chị **H1** đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Hiệp Hòa;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Lâm